

*
Số 598 - GM/HU

GIẤY MỜI

Trân trọng kính mời các đồng chí dự Hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh (*Hội nghị trực tuyến*); sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản*” gắn với đánh giá 03 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

1. Thành phần mời

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy,
- Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo UBND huyện
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện;
- Đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện, Công an, Thanh tra, Tư pháp, Dân tộc, Tài nguyên - Môi trường, Viện Kiểm sát, Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và thể thao;
- Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị: Phòng Nông nghiệp & PTNT, Hạt Kiểm lâm, Ban Quản lý rừng Sê Rê Pôk, Ban quản lý rừng Phi Liêng.
- Các đồng chí Bí thư, Chủ tịch UBND các xã.

2. Thời gian: 01 buổi, bắt đầu lúc 14h00' ngày 08/5/2020.

3. Địa điểm: *Hội trường Huyện ủy – Ủy ban nhân dân huyện.*

Ghi chú: *Đề nghị các cơ quan, đơn vị lưu ý:*

- Ủy ban nhân dân huyện chuẩn bị báo cáo tham luận tại Hội nghị.
- Viễn thông Đam Rông kiểm tra đường truyền đảm bảo các điều kiện kỹ thuật để phục vụ Hội nghị trực tuyến.
- Điện lực Đam Rông đảm bảo cung cấp điện trong thời gian diễn ra Hội nghị.

- Các đại biểu đi đúng giờ (*có mặt từ 13h45' để ổn định tổ chức*), tham dự đầy đủ, không đi lại, giải quyết việc riêng, không sử dụng điện thoại trong suốt thời gian diễn ra Hội nghị.

- *Tài liệu Hội nghị Văn phòng Huyện ủy gửi qua hộp thư điện tử.*

Nơi nhận:

- Như thành phần mời,
- Chi nhánh Điện lực Đam Rông,
- Viễn Thông Đam Rông,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Văn Thành

**PHÂN CÔNG CHUẨN BỊ NỘI DUNG VÀ BÁO CÁO THAM LUẬN TẠI HỘI
NGHỊ SƠ KẾT 05 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 30-CT/TU CỦA BAN
THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, GẮN VỚI ĐÁNH GIÁ 03 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ
SỐ 13-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ**

Stt	Nội dung tham luận	Đơn vị báo cáo
1	Vai trò lãnh đạo của Huyện ủy đối với hệ thống chính trị ở cấp huyện và cấp cơ sở trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.	Huyện ủy Đơn Dương
2	Xây dựng và triển khai các Nghị quyết chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và quản lý lâm sản.	Thành ủy Đà Lạt
3	Việc xử lý đối với các tổ chức, cá nhân không làm tròn trách nhiệm hoặc vi phạm trong công tác QLBR.	Huyện ủy Đức Trọng
4	Chỉ đạo điều tra, triệt phá các đối tượng cầm đầu hoạt động khai thác, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật.	UBND huyện Đam Rông
5	Chỉ đạo của UBND huyện về tăng cường quản lý đất lâm nghiệp, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về đất đai đặc biệt là mua bán, sang nhượng và hợp thức hóa quyền sử dụng đất do phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép.	UBND huyện Lâm Hà
6	Thực hiện việc thống kê diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trái phép để xây dựng phương án xử lý và khôi phục lại rừng.	UBND huyện Bảo Lâm
7	Việc thực hiện trực tiếp đi kiểm tra hình hình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương đối với lãnh đạo cấp huyện, cấp xã.	UBND huyện Di Linh
8	Thực hiện quy chế phối hợp về công tác quản lý, bảo vệ rừng giữa các địa phương trong tỉnh và giữa tỉnh Lâm Đồng với các tỉnh giáp ranh.	UBND huyện Đạ Huoai
9	Việc tham mưu, triển khai Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo thực hiện công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT
10	Chỉ đạo, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện công tác quản lý đất lâm nghiệp; xử lý vi phạm đối với đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Rà soát, kiểm tra đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các dự án đầu tư liên quan đến rừng và đất lâm nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12	Việc lập các chuyên án, kế hoạch đấu tranh, triệt phá các tụ điểm phá rừng, khai thác lâm sản, khoáng sản trái pháp luật trong rừng.	Công an tỉnh
13	Bổ trí lực lượng, huy động các tổ nhận khoán bảo vệ rừng thường xuyên tuần tra, kiểm tra, truy quét trên diện tích rừng đang nhận khoán, các vùng trọng điểm, vùng giáp ranh.	Ban QLRPH Lâm Hà
14	Lập kế hoạch và phối hợp thực hiện kế hoạch giải tỏa trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm để khôi phục lại rừng.	Ban QLRPH Đam B'ri
15	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả phương án quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm.	Vườn Quốc gia Bidoup-Núi bà
16	Việc triển khai Chỉ thị 30-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại đơn vị; kinh nghiệm trong công tác tuần tra, ngăn chặn, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm về rừng và lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật.	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và 03 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng

Tỉnh Lâm Đồng có diện tích tự nhiên 978.334 ha trong đó: 536.680 ha rừng (số liệu đã hiệu chỉnh), độ che phủ rừng toàn tỉnh năm 2019 là 54,5%; 27 đơn vị chủ rừng nhà nước (gồm: 08 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, 13 Ban quản lý rừng, 02 Vườn quốc gia, 02 Ban chỉ huy quân sự huyện/thành phố, 01 Ban quản lý khu du lịch và Viện khoa học lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên); toàn tỉnh thành lập 13 Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 (01 Ban chỉ đạo cấp tỉnh và 12 Ban chỉ đạo cấp huyện). Có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (10 huyện và 02 thành phố: Đà Lạt, Bảo Lộc); 142 đơn vị hành chính cấp xã (111 xã, 18 phường và 13 thị trấn) với 1.376 thôn, tổ dân phố; dân số 1.296.906 người (theo tổng điều tra dân số ngày 01/4/2019); tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số (ĐBDTTS) chiếm 27,72%, với 47 dân tộc anh em (dân tộc gốc Tây Nguyên chiếm 17%), phần lớn sống và sản xuất nông nghiệp gần rừng và đan xen trong rừng; có khoảng 30 ngàn hộ dân nông thôn đang được hưởng lợi trực tiếp từ kinh tế rừng thông qua các chính sách giao khoán bảo vệ rừng, khoán trồng rừng (chương trình 30a, 168,...); do đó, tài nguyên rừng có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Những năm qua, cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện quyết liệt phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng; các sở, ban, ngành đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nên đã đạt được những kết quả nhất định, số vụ vi phạm và diện tích rừng bị mất giảm dần qua các năm. Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ rừng (QLBVR) còn gặp nhiều khó khăn, rừng vẫn bị phá, đất lâm nghiệp tiếp tục bị lấn chiếm trái phép, tình trạng chống người thi hành công vụ còn diễn ra; đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận người dân sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn, áp lực xâm hại đến tài nguyên rừng vẫn còn ở mức nguy cơ cao.

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ
VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG (GIAI ĐOẠN 2011-2014)**

(trước khi có Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 26/3/2015

của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Hiện trạng tài nguyên rừng: Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 977.354 ha (số liệu trước khi hiệu chỉnh), với hơn 530.000 ha đất có rừng; toàn tỉnh có: 26 đơn vị

chủ rừng nhà nước¹; 13 Ban chỉ đạo về kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng² (nay là Ban chỉ đạo về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững); có 95 Ban lâm nghiệp xã với 1.494 thành viên (trong đó có 116 kiểm lâm phụ trách địa bàn). Theo số liệu công bố của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì độ che phủ rừng tỉnh Lâm Đồng năm 2011 là 60,4% và theo kết quả kiểm kê rừng năm 2014 (Đề án kiểm kê rừng toàn quốc), độ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng là 52,5% (không tính diện tích cây cao su và cây đặc sản).

II. Đánh giá tình hình công tác QLBR, phát triển rừng giai đoạn 2011-2014

Giai đoạn 2011-2014, công tác QLBR trên địa bàn tỉnh được Tỉnh ủy, UBND tỉnh luôn xác định là nhiệm vụ trọng tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, liên tục; các sở, ban, ngành, lực lượng chức năng và chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã, đơn vị chủ rừng thực hiện nhiều biện pháp, giải pháp nên đã đạt được kết quả nhất định; cụ thể:

1. Công tác quản lý bảo vệ rừng

a) *Thực hiện khoán bảo vệ rừng*: Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã tạo nguồn tài chính lớn, ổn định phục vụ hoạt động QLBR, giảm nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước; đã tạo điều kiện cho hơn 15.000 hộ gia đình sống gần rừng có việc làm, thu nhập, trong đó hộ đồng bào dân tộc chiếm tỷ lệ 80%. Diện tích và đơn giá khoán bảo vệ rừng từ các nguồn vốn (ngân sách tỉnh, chi trả DVMTR) tăng dần theo các năm³. Đơn giá khoán BVR bình quân theo chính sách chi trả DVMTR từ 300.000 đồng/ha/năm (năm 2011) tăng lên 400.000 đồng/ha/năm (năm 2014), với diện tích khoán BVR bình quân từ 25-30 ha/hộ, thu nhập của mỗi hộ nhận khoán BVR từ 7,5-11,8 triệu đồng/năm; tạo động lực để các hộ nhận khoán tích cực thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, tuần tra, bảo vệ rừng tốt hơn; góp phần ổn định và cải thiện đời sống cho các hộ nhận khoán BVR, nhất là hộ ĐBDTTS.

b) *Tình hình thuê rừng, đất lâm nghiệp*: toàn tỉnh có 410 dự án (337 doanh nghiệp) thuê rừng và đất lâm nghiệp với tổng diện tích 60.727 ha để thực hiện dự án: du lịch sinh thái, trồng cao su, trồng rừng kinh tế, nuôi cá nước lạnh, nông lâm kết hợp... Sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân thuê đất, thuê rừng đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tăng thu ngân sách thông qua việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khi thuê đất, thuê rừng, đầu tư du lịch sinh thái, trồng rừng kinh tế, trồng cao su,...

c) *Công tác PCCCR*: giai đoạn 2011-2014, tổng kinh phí đầu tư cho công tác PCCCR từ ngân sách địa phương 54,426 tỷ đồng. Toàn tỉnh xảy ra 219 vụ cháy/450

¹08 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, 14 Ban quản lý rừng, 02 Vườn quốc gia và 02 đơn vị chủ rừng thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

²01 Ban chỉ đạo cấp tỉnh và 12 Ban chỉ đạo cấp huyện.

³ Diện tích khoán BVR trên địa bàn tỉnh: năm 2011: 272.378 ha; năm 2012: 310.479 ha; năm 2013: 311.334 ha; năm 2014: 397.797 ha.

ha (trong đó: cháy rừng 73 vụ/172 ha; cháy thảm cỏ cây bụi 146 vụ/278 ha); phần lớn các vụ cháy đều đã được phát hiện và dập tắt kịp thời, diện tích bị cháy đã phục hồi sau mùa mưa, thiệt hại về tài nguyên rừng khoảng 20%; các vụ cháy thảm cỏ cây bụi không gây thiệt hại về rừng.

d) *Tình hình vi phạm quy định về QLBVR*: số vụ vi phạm, mức độ vi phạm và diện tích rừng bị thiệt hại giảm dần qua các năm⁴.

2. Công tác phát triển rừng

- Thực hiện Đề án giống cây trồng (theo Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 01/10/2008 của UBND tỉnh) từ năm 2011-2014 nhiều loài cây trồng lâm nghiệp đã được dẫn nhập và trồng thử nghiệm; việc quản lý nguồn gốc giống và nâng cấp chất lượng vườn ươm cây giống ngày càng được chú trọng, phát triển; nhiều vườn ươm đã được đầu tư công nghệ sinh học, công nghệ cao để phát triển nguồn giống cây lâm nghiệp.

- Công tác trồng rừng, trồng cây phân tán, cây che bóng hàng năm được triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh đảm bảo đồng bộ, rộng khắp, hiệu quả. Toàn tỉnh đã trồng được 17.851 ha rừng (gồm: trồng rừng sản xuất 17.290 ha; trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 419 ha; trồng rừng thay thế 142 ha); đồng thời, đã trồng 724.131 cây phân tán⁵, góp phần tăng độ che phủ, cải thiện cảnh quan, môi trường sinh thái,...

- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp (giá cố định) tăng trưởng bình quân 19%/năm; sản xuất lâm nghiệp theo hướng: giảm và chấm dứt khai thác rừng tự nhiên, tập trung QLBVR, khoanh nuôi tái sinh để nâng cao chất lượng rừng và trồng rừng kinh tế; thực hiện chính sách chi trả DVMTR. Tổng kinh phí đầu tư trồng, chăm sóc rừng trồng và giao khoán BVR hàng năm từ ngân sách nhà nước 175 tỷ đồng.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, công tác QLBVR vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế; tình trạng vi phạm pháp luật về QLBVR và đất lâm nghiệp diễn biến phức tạp, như: tình trạng phá rừng, hủy hoại rừng bằng phương thức tác động vào thân cây rừng (khoan, tạo vết thương vào thân cây rồi đổ hóa chất) gây chết cây rừng để lấn chiếm đất xảy ra tại hầu hết các địa phương; một số vụ việc phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép,... chậm phát hiện, ngăn chặn và xử lý; tình trạng người dân trở về làng cũ vẫn xảy ra và còn diễn biến phức tạp; một số dự án đầu tư không thực hiện tốt công tác QLBVR để rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm,... ảnh hưởng đến tài nguyên rừng và tạo dư luận không tốt trong xã hội.

Phần thứ hai

⁴ Tình hình vi phạm: năm 2011: 2.185 vụ; năm 2012: 2.111 vụ (số vụ giảm 3,4%, diện tích thiệt hại do phá rừng giảm 36,04% so với năm 2011); năm 2013: 2.086 vụ (số vụ giảm 1,2%, diện tích thiệt hại do phá rừng giảm 16,2% so với năm 2012); năm 2014: 1.841 vụ (số vụ giảm 11,7%, diện tích thiệt hại do phá rừng giảm 20,91% so với năm 2013).

⁵ Năm 2011: 194.787 cây; năm 2012: 153.502 cây; năm 2013: 129.910 cây; năm 2014: 250.932 cây.

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 30-CT/TU VÀ CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW (GIAI ĐOẠN 2015-2019)

I. Tình hình quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị

1. Đối với Chỉ thị số 30-CT/TU

Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện⁶. Các sở, ban, ngành chức năng liên quan, huyện ủy, thành ủy, UBND cấp huyện đã ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị; đồng thời, đã phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện khá nghiêm túc các nội dung chỉ đạo tại Chỉ thị; qua đó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan và Nhân dân trong công tác QLBR⁷.

2. Đối với Chỉ thị số 13-CT/TW

- Sau khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Công văn số 1290-CV/TU ngày 24/01/2017 để chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức phổ biến, quán triệt đến cán bộ, đảng viên; đồng thời giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW.

- Ngày 31/3/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 25-KH/TU về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; trong đó, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp quán triệt nội dung Chỉ thị số 13-CT/TW đến các tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh. Các cấp, các ngành đã xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể phù hợp với tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị; bổ sung vào nội dung công tác hàng năm của cơ quan, địa phương, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nội dung nêu trong Kế hoạch.

⁶ Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: Thông báo số 82/TB-UBND ngày 17/4/2015 về việc kết luận của đồng chí Đoàn Văn Việt - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 2385/UBND-LN ngày 08/5/2015 về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt công tác QLBR năm 2015 trên địa bàn tỉnh; Thông báo kết luận số 08/TB-UBND ngày 14/01/2016 tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác QLBR; PCCCR; trồng rừng, trồng cây phân tán năm 2015 và triển khai nhiệm vụ năm 2016; Thông báo số 164/TB-UBND ngày 01/7/2016 kết luận tại Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác QLBR, PCCCR, trồng rừng, trồng cây phân tán 06 tháng đầu năm 2016; Văn bản số 6055/UBND-LN ngày 03/10/2016 về việc tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 26/03/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản,...

⁷ Đảng ủy Công an tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/ĐUCA ngày 25/5/2015 để chỉ đạo Đảng ủy Công an các đơn vị, địa phương tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung Chỉ thị 30-CT/TU đến các chi bộ trực thuộc và toàn thể đảng viên và cán bộ chiến sỹ để thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nội dung của Chỉ thị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của ngành và trong công tác QLBR; Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 14/4/2016 của Thành ủy Đà Lạt; Nghị quyết 02-NQ/HU ngày 11/11/2015 của Huyện ủy Đơn Dương, Nghị quyết số 25-NQ/HU ngày 18/6/2015, Chương trình số 39-CTr/HU ngày 07/7/2017 của Huyện ủy Đức Trọng; Chương trình số 44-CTr/HU ngày 10/5/2017, Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 29/12/2017, Chương trình số 25-CTr/HU ngày 13/11/2018 của Huyện ủy Bảo Lâm; Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 24/5/2016, Kế hoạch 30-KH/HU ngày 28/4/2017 của Huyện ủy Đa Tề,...

- UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW và Kế hoạch số 25/KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan⁸; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức, hội, đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh đã đẩy mạnh công tác vận động Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động QLBVR; đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, Nhân dân biết và thực hiện; thường xuyên, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện. *(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

II. Kết quả đạt được

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật

- Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về QLBVR đã được cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương, các sở, ban, ngành, các cơ quan chức năng và đơn vị chủ rừng quan tâm, duy trì triển khai thực hiện thường xuyên.

- Nội dung và hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng; đã truyền tải được nội dung theo yêu cầu⁹ và thu hút đông đảo quần chúng tham gia trong công tác QLBVR, PCCCR, chi trả DVMTR, gồm: tổ chức tuyên truyền 2.084 cuộc, với 107.995 lượt người tham gia; phát sóng 60 phóng sự (bình quân 01 phóng sự/tháng) và hơn 350 bản tin (bình quân 70 bản tin/năm); tổ chức ký 14.450 cam kết bảo vệ rừng với các cá nhân, tổ chức... góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân đối với công tác QLBVR, hiểu rõ giá trị, vai trò quan trọng của rừng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp

a) Kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành, các cấp

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 thành lập và quy định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trên cơ sở sáp nhập Chi cục Kiểm lâm và Chi cục Lâm nghiệp).

- Thực hiện Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 về chuyển giao nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa

⁸Văn bản: số 2168/UBND-LN ngày 14/4/2017 về việc tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp trong công tác QLBVR; số 2608/UBND-LN ngày 03/5/2017 về việc tiếp tục tăng cường công tác QLBVR, bảo vệ động vật hoang dã quý, hiếm; Kế hoạch số 6823/KH-UBND ngày 11/10/2017 về thực hiện chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW,...

⁹Tập trung tuyên truyền về Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Lâm nghiệp,... các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, về PCCCR, về DVMTR; các quyết định, chỉ thị của Trung ương và của UBND tỉnh trong công tác QLBVR,...

phương về lĩnh vực lâm nghiệp từ hạt kiểm lâm sang phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc huyện (hoặc phòng kinh tế thuộc thành phố).

- Thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 để triển khai thực hiện nhiệm vụ QLBV và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

b) Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về lâm nghiệp ở địa phương:

Thực hiện giao đất, giao rừng với tổng diện tích 11.087 ha cho 1.824 hộ gia đình và 08 cộng đồng dân cư QL BV&PTR. Chính sách giao đất, giao rừng đã góp phần xã hội hóa công tác QL BV và đất lâm nghiệp, hỗ trợ cho các hộ ĐBDT vùng sâu, vùng xa có thêm việc làm, tăng thu nhập, ổn định đời sống và tạo động lực phát triển kinh tế; gắn quyền lợi với trách nhiệm, tạo điều kiện để người dân bảo vệ rừng, yên tâm quản lý, đầu tư phát triển rừng trên diện tích được giao. Cơ chế hưởng lợi từ rừng của cộng đồng đã khuyến khích người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao đời sống bằng nghề rừng, góp phần giảm nghèo bền vững những năm qua, nâng cao độ che phủ và chất lượng rừng; hạn chế tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật, bảo tồn, phát triển hệ sinh thái động - thực vật rừng,...

c) Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát

- Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác QL BV những năm qua, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành chức năng đã thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra tại các địa phương, đơn vị để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các sai phạm liên quan¹⁰; đồng thời, chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra nhiều dự án thuê đất lâm nghiệp, thuê rừng trên địa bàn tỉnh để kịp thời chấn chỉnh và xử lý theo quy định đối với các dự án sai phạm, vi phạm¹¹.

- Lãnh đạo UBND các cấp đi kiểm tra thực tế tại rừng: theo chương trình, kế hoạch công tác hàng tháng, lãnh đạo UBND tỉnh đã luân phiên đi kiểm tra rừng tại các địa phương, kiểm tra các vụ việc nổi cộm, phức tạp (ít nhất được 01 lần/tháng); lãnh đạo UBND cấp huyện, xã đã chủ động kiểm tra thực tế công tác QL BV trên địa bàn được ít nhất 02 lần/tháng; có những địa phương phức tạp về QL BV thì lãnh đạo cấp huyện, cấp xã đã đi kiểm tra hàng tuần, đặc biệt là vào các ngày nghỉ

¹⁰- Các Quyết định của UBND tỉnh: số 1716/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 về việc thanh tra trách nhiệm Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác thẩm định, cấp phép, khai thác và nghiệm thu lâm sản liên quan đến rừng và đất rừng; việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng trong các năm 2015, 2016; số 1976/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 thành lập Đoàn công tác liên ngành kiểm tra các dự án đầu tư liên quan đến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; số 1375/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn thanh tra liên ngành để tiến hành kiểm tra công tác quản lý bảo vệ rừng và thực hiện các dự án quản lý bảo vệ rừng kết hợp sản xuất nông nghiệp tại các huyện: Lâm Hà, Đức Trọng;

¹¹Chỉ đạo thanh tra quá trình thực hiện dự án đầu tư của một số doanh nghiệp trên địa bàn: Công ty TNHH Minh Tú, Công ty TNHH Đại Hải, Công ty TNHH An Việt Thế kỷ 21, Công ty TNHH Hiệp Phú, Công ty Cổ phần Kinh doanh vàng bạc, đá quý Kim Minh Đạt, Công ty TNHH Vận tải hành khách và Du lịch Thuận Thành,...

cuối tuần để kịp thời chỉ đạo, điều hành có hiệu quả công tác QLBRV tại địa phương (điển hình như thành phố Đà Lạt).

d) Sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp: UBND tỉnh đã phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới 08 công ty TNHH MTV lâm nghiệp, với tổng diện tích quản lý 169.981 ha; trong đó: diện tích thuê đất để thực hiện sản xuất kinh doanh 10.468 ha và diện tích giao không thu tiền sử dụng đất 159.513 ha. Hiện nay, 08 công ty TNHH MTV lâm nghiệp đã lập phương án sử dụng đất, phương án tài chính,...; tổ chức thẩm định tài nguyên rừng trồng phục vụ giao vốn rừng trồng cho 08/08 công ty TNHH MTV lâm nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR): công tác PCCCR luôn được các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị chủ rừng xác định là một trong những công tác trọng tâm trong mùa khô; hàng năm, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị chủ rừng xây dựng kế hoạch, phương án PCCCR trình thẩm định, phê duyệt trước mùa khô. Với sự phối hợp kịp thời, đồng bộ từ việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và chủ động triển khai thực hiện các giải pháp trong công tác PCCCR nên cháy rừng ít xảy ra; hầu hết các vụ cháy rừng đều được phát hiện và tổ chức chữa cháy kịp thời, hạn chế thiệt hại do cháy rừng gây ra, không để xảy ra cháy lan, cháy lớn¹².

4. Công tác giao khoán QLBRV: thực hiện Chính sách chi trả DVMTR đã tạo nguồn tài chính ổn định phục vụ hoạt động QLBRV, giảm nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Diện tích rừng và đơn giá khoán bảo vệ rừng từ các nguồn vốn (ngân sách tỉnh, chi trả DVMTR) tăng dần¹³ theo các năm¹⁴, góp phần ổn định và cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng, nhất là hộ ĐBDTTS; đồng thời, nâng cao ý thức trách nhiệm tạo động lực để các hộ nhận khoán tích cực thực hiện nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ rừng tốt hơn.

5. Công tác bảo vệ rừng

a) Tình hình vi phạm: từ năm 2015-2019, các cơ quan chức năng đã phát hiện và lập hồ sơ 6.018 vụ vi phạm; diện tích rừng bị thiệt hại 506 ha; khối lượng

¹² Mùa khô 2014-2015 xảy ra 33 vụ cháy với tổng diện tích 80,64 ha (cháy rừng 18 vụ/36,72 ha và cháy thảm cỏ, cây bụi dưới tán rừng 15 vụ/43,92 ha). Mùa khô 2015-2016 xảy ra 34 vụ cháy với tổng diện tích 118,16 ha (cháy rừng 27 vụ/110,28 ha và cháy thảm cỏ, cây bụi dưới tán rừng 07 vụ/7,88 ha). Mùa khô 2016-2017 xảy ra 08 vụ cháy với tổng diện tích 25,44 ha (cháy rừng 03 vụ/18,29 ha (thiệt hại 46,67%) và cháy thảm cỏ, cây bụi dưới tán rừng 05 vụ/7,15 ha). Mùa khô 2017-2018 xảy ra 06 vụ cháy với tổng diện tích 10,03 ha (cháy rừng 05 vụ/8,03 ha và cháy thảm cỏ, cây bụi dưới tán rừng 01 vụ/ 2,0 ha). Mùa khô 2018-2019 xảy ra 10 vụ cháy với tổng diện tích 21,553 ha (cháy rừng 02 vụ/ 0,996 ha và cháy thảm cỏ, cây bụi dưới tán rừng 08 vụ/ 20,557 ha), tuy nhiên không thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng.

¹³ Năm 2015: giao khoán 383.523 ha (ngân sách tỉnh 37.699 ha; chi trả DVMTR 345.824 ha); năm 2016: giao khoán 395.709 ha (ngân sách tỉnh 37.587 ha; chi trả DVMTR 358.122 ha); năm 2017: giao khoán 426.222 ha (ngân sách tỉnh 56.152 ha; chi trả DVMTR 370.070 ha); năm 2018: giao khoán 434.053 ha (ngân sách tỉnh 57.804 ha; chi trả DVMTR 376.249 ha); năm 2019: giao khoán 439.808 ha (ngân sách tỉnh 57.842 ha; chi trả DVMTR 381.966 ha).

¹⁴ Năm 2015: lưu vực sông Đồng Nai 495.000 đồng/ha/năm, lưu vực sông Sêrêpôk 385.000 đồng/ha/năm; năm 2016, 2017: lưu vực sông Đồng Nai 550.000 đồng/ha/năm, lưu vực sông Sêrêpôk 440.000 đồng/ha/năm; năm 2018: lưu vực sông Đồng Nai 660.000 đồng/ha/năm, lưu vực sông Sêrêpôk 550.000 đồng/ha/năm; năm 2019: lưu vực sông Đồng Nai 774.000 đồng/ha/năm, lưu vực sông Sêrêpôk 558.000 đồng/ha/năm.

lâm sản thiệt hại do phá rừng 23.853 m³. Số vụ vi phạm, diện tích, khối lượng lâm sản thiệt hại đã giảm dần qua các năm¹⁵.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

b) *Tình trạng chống người thi hành công vụ*: UBND tỉnh đã chỉ đạo lực lượng Công an, Quân sự tăng cường hỗ trợ và phối hợp thường xuyên với lực lượng Kiểm lâm, chủ rừng ngăn chặn tình trạng chống người thi hành công vụ, điều tra, xử lý các điểm nóng về khai thác, vận chuyển lâm sản, phá rừng, từ đó đã mang lại những kết quả tích cực¹⁶; điển hình trong năm 2015, trên địa bàn huyện Đa Tễ đã xảy ra vụ chống người thi hành công vụ làm 01 đồng chí Đội trưởng - Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 02 hy sinh; đối với vụ vi phạm trên, đối tượng vi phạm đã bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật và đồng chí Đội trưởng - Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 02 đã được công nhận liệt sỹ.

6. Tình hình giải tỏa đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm: từ năm 2015-2019, các địa phương và đơn vị chủ rừng nhà nước đã giải tỏa trên 1.200 ha đất lâm nghiệp bị lấn chiếm và tổ chức trồng lại rừng 879 ha rừng; tình trạng vi phạm lấn chiếm đất lâm nghiệp vẫn diễn ra ở hầu hết các địa phương, đơn vị chủ rừng nhưng việc kiểm tra, ngăn chặn, phát hiện và xử lý còn nhiều hạn chế hoặc xử lý không dứt điểm, chế tài xử lý chưa đủ mạnh để ngăn chặn, răn đe các đối tượng vi phạm. UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị chủ rừng phải kiên quyết giải tỏa, thu hồi diện tích rừng mới bị phá rừng, đất lâm nghiệp mới lấn chiếm (dưới 02 năm) để khôi phục, phục hồi lại rừng; địa phương, đơn vị nào để đối tượng vi phạm sử dụng, sang nhượng trái pháp luật diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm thì phải kiểm điểm, xử lý theo tính chất và mức độ vi phạm và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

7. Công tác phát triển rừng

a) *Trồng rừng*: thực hiện Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, toàn tỉnh đã trồng được 11.563 ha rừng, trong đó: trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác 2.365 ha; trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (trồng trên đất trống, đất sau giải tỏa, đất sau khai thác trắng rừng trồng) 1.553 ha; trồng rừng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách 7.645 ha.

¹⁵ Năm 2015: 1.877 vụ (tăng 2%), diện tích rừng thiệt hại 172 ha (tăng 81%) và lâm sản thiệt hại 7.412 m³ (tăng 73%); năm 2016: 1.471 vụ (giảm 22%), diện tích rừng thiệt hại 125 ha (giảm 27%) và lâm sản thiệt hại 5.135 m³ (giảm 31%); năm 2017: 1.035 vụ (giảm 30%), diện tích rừng thiệt hại 90 ha (giảm 28%) và lâm sản thiệt hại 3.777 m³ (giảm 26%); năm 2018: 900 vụ (giảm 13%), diện tích rừng thiệt hại 62 ha (giảm 30%) và lâm sản thiệt hại 3.692 m³ (giảm 02%); năm 2019: 735 vụ (giảm 18%), diện tích rừng thiệt hại 57 ha (giảm 8%) và lâm sản thiệt hại 3.837 m³ (tăng 04%).

¹⁶ năm 2015 xảy ra 05 vụ chống đối, cản trở người thi hành công vụ; năm 2016 xảy ra 06 vụ (tăng 01 vụ so với năm 2015); năm 2017 xảy ra 05 vụ (giảm 01 vụ so với năm 2016); năm 2018 xảy ra 03 vụ (giảm 02 vụ so với năm 2017) và năm 2019 xảy ra 02 vụ (giảm 01 vụ so với năm 2018).

b) *Chăm sóc rừng*: tổng diện tích chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2015-2019 là 50.698 ha (năm 2015: 16.300 ha; năm 2016: 11.068 ha; năm 2017: 8.182 ha; năm 2018: 8.373 ha; năm 2019: 6.775 ha).

c) *Trồng xen cây lâm nghiệp*: UBND tỉnh đã chỉ đạo¹⁷ UBND các huyện, thành phố tổ chức rà soát diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm canh tác nông nghiệp trái phép (từ 02 năm trở lên) để xây dựng phương án trồng xen cây lâm nghiệp theo đúng mật độ trồng rừng và quy định hiện hành. Các địa phương, đơn vị chủ rừng đã tổ chức trồng xen cây lâm nghiệp được 3.830 ha¹⁸.

d) *Trồng cây phân tán, cây che bóng*: theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm, các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức phát động, hưởng ứng phong trào trồng cây phân tán, cây che bóng vào các dịp tết trồng cây, đặc biệt là dịp sinh nhật Bác Hồ (ngày 19/5) nhằm nâng cao nhận thức của Nhân dân về vai trò, tác dụng, giá trị của rừng; ý nghĩa của việc trồng cây, trồng rừng, công tác bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái góp phần tạo cảnh quan môi trường, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc phát động trồng cây đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tạo điều kiện để tất cả các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trường học, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia; lựa chọn loài cây trồng thích hợp, đảm bảo chất lượng và phù hợp với điều kiện tự nhiên ở từng địa phương với phương châm “trồng cây nào sống tốt cây đó”. Giai đoạn 2015-2019 các địa phương đã tổ chức trồng được 1.439.984 cây phân tán các loại, góp phần phủ xanh đất trồng trong đô thị, cơ quan, trường học, bệnh viện, đường phố¹⁹.

8. Công tác quản lý diện tích giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp

a) *Theo dõi dự án đầu tư*: toàn tỉnh hiện còn 328 dự án/313 doanh nghiệp, hộ gia đình đang đầu tư triển khai dự án, với tổng diện tích 52.914 ha (đã trừ diện tích thu hồi toàn bộ hoặc một phần dự án); tính đến nay đã thu hồi 195 dự án/29.834 ha (gồm: 160 dự án thu hồi toàn bộ/25.625 ha và 35 dự án thu hồi một phần/4.209 ha) do không triển khai thực hiện dự án hoặc triển khai chậm tiến độ đã được phê duyệt, để rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm mà không có biện pháp ngăn chặn, doanh nghiệp trả lại dự án...; có 262 doanh nghiệp phải thuê rừng²⁰; 51 doanh nghiệp không phải thuê rừng (do các doanh nghiệp này thuộc đối tượng được giao đất, giao rừng; do đơn vị tự bỏ vốn trồng rừng; diện tích đất được thuê không có rừng,...).

b) *Giao rừng cộng đồng dân cư*: có 08 cộng đồng dân cư được giao đất, giao rừng với tổng diện tích 2.260 ha trên địa bàn các huyện: Đức Trọng, Đam Rông,

¹⁷ Thông báo số 36/TB-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh kết luận tại Hội nghị tổng kết thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TU ngày 30/9/2008 của Tỉnh ủy Lâm Đồng và tổng kết công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2014, triển khai nhiệm vụ năm 2015 và Văn bản số 6689/UBND-LN ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh về việc xây dựng phương án khôi phục rừng trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm.

¹⁸ Huyện Di Linh: 505 ha; huyện Đức Trọng: 500 ha; huyện Lâm Hà: 2.572 ha và Chương trình UN-REDD: 254 ha.

¹⁹ Năm 2015: 415.665 cây, năm 2016: 781.120 cây, năm 2017: 134.426 cây, năm 2018: 50.561 cây, năm 2019: 58.212 cây.

²⁰ Đã có quyết định cho thuê rừng: 228 doanh nghiệp/ diện tích 18.656 ha; chưa có quyết định thuê rừng là 34 doanh nghiệp, hộ gia đình.

Di Linh, Bảo Lâm. Năm 2019, qua kiểm tra thì tiếp tục duy trì mô hình giao rừng cộng đồng cho 03 cộng đồng tại huyện: Đức Trọng, Đam Rông và Di Linh do 03 mô hình này phù hợp với chính sách giao rừng cộng đồng, thực sự phát huy sức mạnh trong bảo vệ rừng; đồng thời, thu hồi 05 mô hình giao rừng cộng đồng tại các xã Gia Bắc, Sơn Điền (huyện Di Linh) và xã Lộc Nam, Lộc Bảo (huyện Bảo Lâm) do 05 cộng đồng này không thực hiện tốt việc QLBR, để mất rừng, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm; thành phần, đối tượng không đúng quy định,...

9. Công tác điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng: UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09/10/2018), theo đó: diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp 596.476 ha (rừng đặc dụng 84.119 ha; rừng phòng hộ 172.800 ha; rừng sản xuất 339.557 ha); trong đó: đất có rừng 525.262 ha (rừng đặc dụng 81.424 ha; rừng phòng hộ 148.759 ha; rừng sản xuất 295.079 ha); đất chưa có rừng 71.214 ha (gồm, quy hoạch: rừng đặc dụng 2.695 ha; rừng phòng hộ 24.041 ha; rừng sản xuất 44.478 ha). Hiện nay các cơ quan chuyên môn của tỉnh đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng và thực hiện hồ sơ chuyển loại rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017.

10. Việc xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có sai phạm trong công tác QLBR: UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan khẩn trương điều tra, xác minh, hoàn thiện hồ sơ để kịp thời xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp; đặc biệt là các vụ vi phạm nổi cộm hoặc gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng; đồng thời, chỉ đạo kiểm điểm, xem xét xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan (đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đơn vị chủ rừng, lực lượng kiểm lâm,...); qua đó, đã tiến hành xử lý kỷ luật đối với 97 trường hợp do thiếu trách nhiệm để xảy ra phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật²¹.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

11. Công tác quản lý dân di cư tự do

- Thành phần và nơi đi của dân DCTD đến Lâm Đồng chủ yếu từ các tỉnh miền núi phía Bắc; số lượng DCTD giai đoạn 2005-2019 khoảng 2.200 hộ/7.200 khẩu (giai đoạn 2005-2012 là 2.100 hộ/6.800 khẩu; giai đoạn 2013-2019 là 100 hộ/400 khẩu); phần lớn đang sinh sống trên đất quy hoạch lâm nghiệp, ven rừng và sống xen ghép tại các thôn, bản tại các huyện: Đam Rông (các tiểu khu: 179, 181, 197 và 198 (khu vực Tây Sơn), xã Liêng S'Rôn), Bảo Lâm, Di Linh,...

- Người đồng bào DTTS trong tỉnh di dân từ huyện này sang huyện khác phá

²¹Lực lượng kiểm lâm: 29 người (15 trường hợp cảnh cáo và 14 trường hợp khiển trách); lực lượng chủ rừng: 59 người (46 trường hợp khiển trách, 08 trường hợp cảnh cáo, 02 trường hợp chậm nâng lương 01 năm, 01 trường hợp cách chức, 01 trường hợp buộc thôi việc và 01 trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự); UBND cấp xã: 09 người (02 trường hợp cảnh cáo và 07 trường hợp khiển trách).

rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp diễn ra phức tạp, gây áp lực cho công tác BVR; điển hình như vụ ĐBDTTS thôn 4 xã Đa Long, huyện Đam Rông vào tiểu khu 26, 27 thuộc Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà quản lý để lấn, chiếm đất lâm nghiệp canh tác nông nghiệp, đòi quay trở về làng cũ. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo các địa phương và cơ quan chức năng triển khai nhiều biện pháp ngăn chặn, tăng cường công tác quản lý, xây dựng phương án ổn định cuộc sống, giải quyết đất sản xuất cho dân di cư tự do²².

12. Ký kết và thực hiện quy chế phối hợp trong công tác QLBR

- UBND tỉnh đã ký quy chế phối hợp bảo vệ rừng vùng giáp ranh với các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký quy chế phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông và ký quy chế phối hợp với Công an tỉnh về phối hợp tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về QLBR; Chi cục Kiểm lâm đã ký quy chế, phương án phối hợp bảo vệ rừng vùng giáp ranh với Chi cục Kiểm lâm vùng 4, Chi cục Kiểm lâm các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, Đồng Nai.

- Hầu hết UBND cấp huyện, hạt kiểm lâm, UBND cấp xã và các đơn vị chức năng thuộc huyện đã ký kết quy chế phối hợp BVR vùng rừng giáp ranh với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh có vùng rừng giáp ranh để tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện quy chế, xác định tồn tại hạn chế, nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra phương hướng, giải pháp khắc phục thực hiện trong thời gian tiếp theo.

III. Đánh giá chung về tình hình thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU và Chỉ thị số 13-CT/TW

1. Kết quả đạt được

- Qua 05 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU và 03 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW đã nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác QLBR; đã khắc phục một số tồn tại, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong công tác QLBR; cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành đoàn thể đã quan tâm, triển khai thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về QLBR; đã phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, địa phương, trách nhiệm của kiểm lâm địa bàn, của chủ rừng. Đặc biệt cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã quan tâm

²²UBND huyện Đam Rông đã bố trí cuộc sống được 244 hộ/922 nhân khẩu (dự án ổn định dân di cư tự do thôn 5, xã Rô Men đã bố trí 111 hộ/391 nhân khẩu; dự án sắp xếp ổn định dân di cư tự do tại xã Phi Liêng, đã bố trí 133 hộ/531 nhân khẩu). Đồng thời, UBND tỉnh đã phê duyệt cho UBND huyện Đam Rông xây dựng 04 điểm định canh, định cư trên địa bàn 03 xã (Phi Liêng, Liêng Srônh và Rô Men) với tổng mức đầu tư 135.733 tỷ đồng để sắp xếp, bố trí ổn định cho 452 hộ/2.428 nhân khẩu dân di cư tự do chủ yếu là ĐBDTTS (người H'Mông). Ngoài ra, UBND tỉnh đã đề xuất với Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương cho lập dự án đầu tư mới đối với các dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do cho 320 hộ/1.725 nhân khẩu tại các tiểu khu: 179, 181, 197 198 (khu vực Tây Sơn), xã Liêng S'Rôn, huyện Đam Rông và sớm bố trí vốn đầu tư hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để tỉnh Lâm Đồng lập dự án, triển khai dự án đầu tư trong thời gian tới.

nhiều hơn trong công tác xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp kiểm tra tại rừng, QLVR, PCCCR; chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đến cộng đồng dân cư; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng.

- Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện có được quản lý và bảo vệ nghiêm ngặt, tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật giảm; công tác quy hoạch, bảo vệ, phát triển rừng đồng bộ, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các dự án đầu tư liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp chú trọng đến bảo vệ, phát triển rừng, việc chuyển đổi rừng sang mục đích khác được kiểm soát chặt chẽ. Nhiều cơ chế, chính sách quy định trong lĩnh vực lâm nghiệp được ban hành mới, thay thế các quy định trước đây, đã tạo khung pháp lý đầy đủ, chặt chẽ hơn để thực hiện công tác QLVR hiệu quả hơn; chế tài xử lý vi phạm tương đối rõ ràng, nghiêm minh,... trong đó có chủ trương đóng cửa rừng, dừng mọi hoạt động khai thác gỗ rừng tự nhiên đã có tác động rất lớn, tích cực trong hoạt động QLVR, nâng cao chất lượng rừng, độ che phủ rừng.

- Trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền các cấp, các tổ chức, các sở, ban, ngành được xác định rõ ràng và được thể hiện rõ trong công tác lãnh, chỉ đạo công tác QLVR.

- Hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước của UBND các cấp được nâng cao; các cơ quan, ban, ngành, chính quyền cấp huyện, cấp xã, đơn vị chủ rừng và đơn vị liên quan đã chủ động tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc QLVR trên địa bàn quản lý, quyết liệt đấu tranh ngăn chặn xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; kiên quyết trong xử lý theo quy định pháp luật đối với các trường hợp thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra tình trạng phá rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật, lấn chiếm đất lâm nghiệp, cháy rừng ...

- Mặc dù, tình hình vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp vẫn tiếp tục diễn ra và có những diễn biến phức tạp, các đối tượng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp với nhiều thủ đoạn tinh vi; tuy nhiên, đã được kiểm soát chặt chẽ hơn, số vụ vi phạm, diện tích, khối lượng lâm sản thiệt hại đã giảm dần qua các năm; đa số diện tích đất lâm nghiệp mới bị lấn chiếm đã được giải tỏa, thu hồi và trồng lại rừng.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số sở, ban, ngành và địa phương chưa quyết liệt tổ chức thực hiện những văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, dẫn đến tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa được ngăn chặn triệt để; vẫn còn xảy ra các vụ phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật có tính chất phức tạp, nổi cộm, gây thiệt hại lớn đến rừng nhưng chậm phát hiện, ngăn chặn và xử lý; vi phạm vắng chủ vẫn chiếm tỷ lệ lớn; số vụ án được hoàn thiện điều tra, đưa ra truy tố, xét xử chiếm tỷ lệ thấp gây dư luận không tốt trong xã hội.

- Chính quyền địa phương cấp cơ sở, đơn vị chủ rừng ở những địa bàn trọng điểm vi phạm chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao, chưa quyết liệt trong công tác triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh; chưa thực hiện hết trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo các quy định hiện hành.

- Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa cao; một bộ phận hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng chưa thực hiện đúng trách nhiệm của hộ nhận khoán; chế tài xử lý trách nhiệm người nhận khoán khi để rừng bị phá chưa tạo tính răn đe.

- Việc trồng rừng thay thế không đạt chi tiêu kế hoạch đề ra; công tác trồng rừng sau giải tỏa còn khó khăn trong việc bảo vệ, chăm sóc sau khi trồng.

- Một số doanh nghiệp được thuê đất, thuê rừng thực hiện dự án đầu tư chậm tiến độ, thực hiện không đúng các hạng mục đầu tư đã được phê duyệt; để mất rừng, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trái pháp luật, buông lỏng quản lý...; chưa chấp hành nghiêm việc nộp tiền bồi thường tài nguyên rừng đối với diện tích rừng bị mất.

- Một số địa phương chưa chấp hành tốt nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh liên quan đến công tác giải tỏa, thu hồi đất do phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp để khôi phục lại rừng²³.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

- Đời sống của một bộ phận người đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các khu vực vùng sâu, vùng xa vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nguy cơ tái nghèo cao. Một số chính sách chưa được bố trí kinh phí kịp thời để triển khai thực hiện gây khó khăn cho địa phương.

- Giá cả đất và nhu cầu đất sản xuất tăng; tình trạng di dân tự do phức tạp chưa được đầu tư sắp xếp ổn định; diện tích rừng đan xen, giáp ranh với các diện tích sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng tiêu cực đến các mặt kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội cũng như công tác quản lý bảo vệ rừng của địa phương...;

- Nhu cầu sử dụng gỗ làm vật liệu xây dựng, đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ,...ngày càng nhiều; các mặt hàng sản xuất từ gỗ rừng tự nhiên có giá trị ngày càng cao, dẫn đến tình trạng khai thác, vận chuyển, mua bán gỗ trái pháp luật diễn biến phức tạp.

²³ Thông báo số 36/TB-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh; Thông báo số 257/TB-UBND ngày 02/11/2015 kết luận buổi làm việc bàn biện pháp xử lý sau kiểm tra của đoàn công tác liên ngành kiểm tra, xử lý tình hình san ủi, chặt phá rừng lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 125/TB-UBND ngày 16/5/2017 kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị về kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng và công tác QLBRV trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 6689/UBND-LN ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh về việc xây dựng phương án khôi phục rừng trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm...

- Nhiều vụ vi phạm xảy ra ở địa bàn vùng sâu, vùng xa nên việc phát hiện không kịp thời, không bắt được quả tang người vi phạm; do đó, khó khăn trong công tác điều tra, truy tìm đối tượng vi phạm; một số quy định còn chồng chéo; chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe; quy định cưỡng chế, giải tỏa cây trồng, các công trình trái phép trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm còn mất nhiều thời gian, thủ tục phức tạp nên không thực hiện kịp thời việc giải tỏa ngay khi phát hiện vi phạm.

- Hình thức vi phạm ngày càng tinh vi, đặc biệt đối với hành vi phá rừng trái pháp luật bằng hình thức ken, khoan cây đổ hóa chất; đối tượng vi phạm liều lĩnh, manh động, sẵn sàng ngăn cản, chống trả lực lượng chức năng.

- Lực lượng bảo vệ rừng nói chung còn mỏng, thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác QLBR.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở, cơ quan chức năng, đơn vị chủ rừng còn buông lỏng quản lý, chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức trong công tác QLBR; chưa kiểm tra thực tế tại rừng và chưa đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các đối tượng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp tại địa phương.

- Lực lượng chức năng, đơn vị liên quan (chủ rừng, kiểm lâm, UBND cấp xã) ở một số địa phương chưa có sự phối hợp chặt chẽ, chưa thường xuyên tuần tra, kiểm tra rừng, thậm chí thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ nên không kịp thời phát hiện, ngăn chặn ngay từ khi xảy ra vi phạm; chưa sử dụng hiệu quả lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng trong việc tuần tra ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng; các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng còn hạn chế; một số cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng bảo vệ rừng chưa làm tròn nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm trong công tác QLBR,...

- Công tác điều tra, đấu tranh với các đối tượng có hành phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp tại một số địa phương, đơn vị thực hiện chưa tốt, chưa thường xuyên, liên tục; do đó tác dụng phòng ngừa vi phạm chưa cao; các vụ án gây thiệt hại nghiêm trọng tài nguyên rừng nhưng chưa điều tra rõ để xử lý đối với các chủ đầu nậu, đối tượng cầm đầu, các đường dây, các đối tượng thông đồng, bao che, bảo kê cho hoạt động vi phạm, phạm tội nên chưa tạo tính răn đe, giáo dục.

- Công tác quản lý, phục hồi lại rừng trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm chưa hiệu quả; còn tình trạng để người vi phạm canh tác sử dụng diện tích do phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp.

- Một số doanh nghiệp chưa thực hiện đúng phương án, tiến độ đầu tư được phê duyệt; buông lỏng công tác QLBR trên diện tích được thuê.

4. Bài học kinh nghiệm

- Phải có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, toàn dân thì công tác QLBR mới thật sự hiệu quả. Địa phương, đơn vị chủ rừng nào thực hiện tốt trách nhiệm QLBR, kiên quyết xử lý vi phạm, xử lý trách nhiệm đối với các sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức liên quan thì công tác QLBR ở địa phương, đơn vị đó mới đạt hiệu quả.

- Khi người dân, đặc biệt là ĐBDTTS, hộ nghèo, dân di cư tự do có đời sống, thu nhập ổn định và ngày càng nâng cao; thực hiện đảm bảo các chương trình, chính sách của nhà nước như: khoán bảo vệ rừng, giao đất cho các hộ dân tại chỗ trồng rừng kinh tế, nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân, thì các tác động tiêu cực vào rừng, đất lâm nghiệp giảm đáng kể và tiến tới chấm dứt tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp (như tại huyện Đơn Dương, Cát Tiên và một số địa phương khác); quản lý chặt chẽ nhân hộ khẩu, hạn chế di dân tự do.

- Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cộng đồng, của toàn xã hội về QLBR luôn được xác định là việc làm thường xuyên, lâu dài, có sự tham gia của nhiều lực lượng trong hệ thống chính trị; kết hợp đồng bộ với hoạt động kiểm tra, truy quét và kiên quyết xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị quản lý rừng; kịp thời động viên, khen thưởng, nhân rộng điển hình, tấm gương sáng trong QLBR; bên cạnh đó phải kịp thời xử lý nghiêm trách nhiệm, đúng người, đúng lỗi trong QLBR.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

I. Nhận định, dự báo tình hình; mục tiêu thực hiện

1. Trước xu thế phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng, công tác QLBR sẽ tiếp tục gặp phải những khó khăn, thách thức như: tình trạng dân di cư tự do tiếp tục diễn biến phức tạp; nhu cầu về đất ở, đất sản xuất tiếp tục tăng cao... đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt công tác QLBR, đảm bảo phù hợp, kịp thời, hiệu quả; đồng thời, thực hiện tốt các nội dung chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị ở địa phương trong công tác QLBR; tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW, Chỉ thị số 30-CT/TU,...

2. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp, giải pháp, chương trình, dự án về QLBR đảm bảo chặt chẽ, bền vững, duy trì và nâng cao chất lượng rừng; chủ động thực hiện tốt công tác PCCCR, phấn đấu giảm 20% số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp; giảm 20% diện tích rừng, khối lượng lâm sản thiệt hại so với năm trước; độ che phủ rừng đạt 55% trở lên theo kế hoạch; thực hiện nghiêm các quy định về

chính sách giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp; sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng, đất lâm nghiệp.

II. Những nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong thời gian tới

1. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở

a) Xác định công tác QLBV và phát triển rừng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng phải thực hiện thường xuyên, liên tục.

b) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, tiếp tục thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về QLBV và phát triển rừng; sử dụng tài nguyên rừng có hiệu quả.

2. Các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ

a) Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở cấp huyện và cấp cơ sở; kịp thời quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Chính phủ trong công tác QLBV và phát triển rừng để các tổ chức, cá nhân và Nhân dân biết, thực hiện.

b) Tổ chức rà soát chương trình, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng trong công tác QLBV, phát triển rừng và quản lý lâm sản; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trong QLBV và phát triển rừng; định kỳ 06 tháng, hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện công tác QLBV và phát triển rừng trên địa bàn.

c) Tiếp tục thường xuyên kiểm tra, quản lý cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác QLBV và phát triển rừng; kịp thời khen thưởng, biểu dương những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân không làm tròn trách nhiệm hoặc vi phạm trong công tác QLBV và phát triển rừng.

3. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh

a) Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất, trực tiếp kiểm tra tình hình QLBV, phát triển rừng tại các địa phương và có chỉ đạo cụ thể; duy trì họp định kỳ (*hàng quý, 06 tháng, năm*) đánh giá, phân tích những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, từ đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong công tác QLBV và phát triển rừng.

b) Triển khai, thực hiện kịp thời có hiệu quả Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 và Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ về ổn định dân di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường;

quản lý chặt chẽ dân di cư tự do từ các địa phương khác đến. Lập dự án đầu tư mới đối với các dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do cho 320 hộ/1.725 nhân khẩu tại các tiểu khu 179, 181, 197 và 198 (khu vực Tây Sơn), xã Liêng S'Rôn, huyện Đam Rông và sớm hoàn thành xây dựng dự án ổn định dân cư tập trung, xen ghép tại địa phương khác; tổ chức tuyên truyền, vận động người dân ổn định đời sống, không phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp; kết hợp giải quyết các cơ chế, chính sách đối với người dân sống gần rừng, nhất là ĐBDTTS, hộ nghèo thiếu đất sản xuất.

c) Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người dân về vai trò, giá trị của rừng; lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết ổn định tình hình người dân di cư tự do, nâng cao đời sống người dân, đẩy mạnh việc giao rừng và đất lâm nghiệp, khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư sống chủ yếu bằng nghề rừng, tổ chức thực hiện các dự án ổn canh, ổn cư, ổn định cuộc sống, giảm thiểu các hoạt động phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm, quyết liệt, có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan về nội dung Chỉ thị số 13-CT/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 26/3/2015, Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 31/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; Kế hoạch số 6823/KH-UBND ngày 11/10/2017 của UBND tỉnh thực hiện chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về tăng cường công tác QLBR và đất lâm nghiệp,...

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức các cơ quan chức năng về lâm nghiệp trên địa bàn; nâng cao tinh thần trách nhiệm các cơ quan, đơn vị trong công tác QLBR, nhất là người đứng đầu chính quyền địa phương và các đơn vị chủ rừng. Kiểm tra, kiên quyết xử lý đối với những địa phương, đơn vị chủ rừng buông lỏng công tác quản lý để xảy ra vi phạm gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng trên diện tích được giao quản lý theo đúng tính chất, mức độ vi phạm.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, lực lượng kiểm lâm, công an, các đơn vị chủ rừng và chính quyền địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp trong tổ chức rà soát các đối tượng chuyên phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp để mời gọi, yêu cầu ký cam kết không vi phạm; kiểm tra, tuần tra, truy quét nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các tụ điểm, điểm nóng về chặt phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp trái pháp luật. Tiếp tục thực hiện tốt quy chế phối hợp với các tỉnh vùng giáp ranh trong kiểm tra, ngăn chặn hiệu quả các vụ vi phạm. Điều tra, triệt phá các đối tượng cầm đầu hoạt động khai thác, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; giám sát triệt để các đối tượng đã từng có vi phạm và nguy cơ vi phạm; quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ; xử lý nghiêm và kiên quyết những phần tử tiếp tay, bao che hoặc kích động, lôi kéo chống người thi

hành công vụ.

- Tăng cường quản lý đất lâm nghiệp, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về đất đai, như: mua bán, sang nhượng và hợp thức hoá quyền sử dụng đất do phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật; lợi dụng chính sách dân tộc để lôi kéo, xúi giục, thuê đồng bào dân tộc phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp, khai thác, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Thực hiện nghiêm quy chế phối hợp về công tác QLBRV giữa các địa phương trong tỉnh và giữa tỉnh Lâm Đồng với các tỉnh vùng giáp ranh.

- Tiếp tục thống kê toàn bộ diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trái pháp luật trong quy hoạch 03 loại rừng; xây dựng phương án xử lý, giải quyết cụ thể, kiên quyết phục hồi lại diện tích rừng đã bị lấn chiếm, trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã phải trực tiếp đi kiểm tra tình hình QLBRV và phát triển rừng tại địa phương để kịp thời đánh giá tình hình và tiếp tục chỉ đạo, có biện pháp ngăn chặn các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng và xử lý các vụ việc phát sinh trên địa bàn; đối với khu vực phức tạp, cần tổ chức kiểm tra thường xuyên để xử lý dứt điểm.

Địa phương, cơ quan, đơn vị nào để rừng bị phá, khai thác lâm sản trái pháp luật, để đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, san gạt, sử dụng sai mục đích thì người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị cấp đó phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cấp trên; đồng thời, người đứng đầu mặt trận, đoàn thể, các cơ quan liên quan ở địa phương đó cũng phải kiểm điểm trách nhiệm liên quan.

4. Các ban đảng của Tỉnh ủy tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QLBRV và phát triển rừng đến các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh; phát động và duy trì phong trào thi đua “*Dân vận khéo trong QLBRV và phát triển rừng*”, vận động quần chúng nhân dân tham gia tố giác các đối tượng vi phạm pháp luật về QLBRV; xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác QLBRV./.

Nơi nhận:

- BCS Đảng Bộ NN&PTNT,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Các đồng chí tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng của Tỉnh ủy;
- BCS đảng UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

Phụ lục I

**THỐNG KÊ VĂN BẢN, KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHỈ THỊ 13-CT/TW, CHỈ THỊ 30-CT/TU VÀ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO
TĂNG CƯỜNG TRONG CÔNG TÁC QLBNR**

(Kèm theo Báo cáo số: -BC/TU ngày tháng 4 năm 2020 của Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Stt	Cấp triển khai	Văn bản triển khai và chỉ đạo		Kế hoạch triển khai		Ghi chú
		Tên văn bản (công văn, Nghị quyết ...)	Ngày ban hành	Tên kế hoạch	Ngày ban hành	
I	Tỉnh ủy					
1	Tỉnh ủy Lâm đồng	1290-CV/TU	24/01/2017	25-KH/TU	31/03/2017	
2	Tỉnh ủy Lâm đồng	1388-CV/TU	08/03/2017			
II	UBND tỉnh					
1	UBND tỉnh Lâm Đồng	5131/UBND-LN	31/08/2015			
2	UBND tỉnh Lâm Đồng	5952/UBND-LN	02/10/2015			
3	UBND tỉnh Lâm Đồng	6583/UBND-LN	30/10/2015			
4	UBND tỉnh Lâm Đồng	1528/UBND-LN	25/03/2016			
5	UBND tỉnh Lâm Đồng	164/TB-UBND	01/07/2016			
6	UBND tỉnh Lâm Đồng	6055/UBND-LN	03/10/2016			
7	UBND tỉnh Lâm Đồng	6526/UBND-LN	21/10/2016			
8	UBND tỉnh Lâm Đồng	02/TB-UBND	03/01/2017			
9	UBND tỉnh Lâm Đồng	2168/UBND-LN	14/04/2017	6823/KH-UBND	11/10/2017	
10	UBND tỉnh Lâm Đồng	2608/UBND-LN	03/05/2017			
11	UBND tỉnh Lâm Đồng	3531/UBND-LN	07/06/2017			
12	UBND tỉnh Lâm Đồng	5447/UBND-LN	21/08/2017			
13	UBND tỉnh Lâm Đồng	205/TB-UBND	16/08/2017			
14	UBND tỉnh Lâm Đồng	08/TB-UBND	15/01/2018			
15	UBND tỉnh Lâm Đồng	2547/UBND-LN	02/05/2018			
16	UBND tỉnh Lâm Đồng	175/TB-UBND	22/06/2018			
17	UBND tỉnh Lâm Đồng	5984/UBND-LN	18/09/2018			
18	UBND tỉnh Lâm Đồng	225/TB-UBND	21/09/2018			
19	UBND tỉnh Lâm Đồng	24/TB-UBND	28/01/2019			
20	UBND tỉnh Lâm Đồng	632/UBND-LN	31/01/2019			
21	UBND tỉnh Lâm Đồng	999/UBND-LN	25/02/2019			
22	UBND tỉnh Lâm Đồng	3260/UBND-NC	11/05/2019			
23	UBND tỉnh Lâm Đồng	3773/UBND-LN	20/06/2019			
24	UBND tỉnh Lâm Đồng	152/TB-UBND	26/06/2019			
25	UBND tỉnh Lâm Đồng	184/TB-UBND	28/07/2019			
26	UBND tỉnh Lâm Đồng	4845/UBND-LN	05/08/2019			
27	UBND tỉnh Lâm Đồng	4863/UBND-LN	06/08/2019			
28	UBND tỉnh Lâm Đồng	5203/UBND-NC	19/08/2019			
III	Huyện ủy					
1	Thành ủy Đà Lạt	02-NQ/ThU	14/04/2016			
2	Thành ủy Bảo Lộc	133-CV/ThU	11/06/2016			
3	Bảo Lâm	44-CTr/HU	10/05/2017			
		03-NQ/HU	29/12/2017			
		25-CT/HU	13/11/2018			
		05-NQ/HU	24/05/2016	30-KH/HU	28/04/2017	
		135-CV/HU	31/8/2016			
		22-CV/VPHU	25/01/2017			

Stt	Cấp triển khai	Văn bản triển khai và chỉ đạo		Kế hoạch triển khai		Ghi chú
		Tên văn bản (công văn, Nghị quyết ...)	Ngày ban hành	Tên kế hoạch	Ngày ban hành	
4	Đạ Tẻh	229-CV/HU	10/3/2017			
		460-QĐ/HU	11/4/2017			
		403-CV/HU	30/3/2018			
		04-CV/BCĐ	23/4/2019			
		581-CV/HU	6/3/2019			
5	Lâm Hà	24-CT/HU	26/01/2015	56-KH/HU	05/04/2017	
		167-CV/HU	12/08/2016			
		231-CV/HU	02/03/2017			
		254-CV/HU	13/03/2017			
		259-TB/HU	13/03/2018			
		260-TB/HU	20/03/2018			
		489-CV/HU	08/06/2018			
		736-CV/HU	07/06/2019			
		25-CT/HU	19/11/2019			
6	Di Linh	360-CV/HU	02/06/2017	39-KH/HU	11/10/2017	
		737-CV/HU	17/8/2018			
		966-CV/HU	24/7/2019			
7	Đức Trọng	39-CTr/HU	07/07/2017	25-NQ/HU	18/6/2015	
8	Đam Rông	350-CV/HU		40-KH/HU	26/04/2017	
9	Đơn Dương	02-NQ-HU	11/11/2015			
		424-CV/HU	02/08/2017			
		979/CV-HU	18/10/2019			
IV	UBND huyện					
1	TP. Đà Lạt	130/BCĐ-KL	28/03/2018	06/KH-KL	10/04/2018	
		1962/UBND	05/04/2018	02/KH-KL	18/01/2019	
2	TP. Bảo Lộc	1841/UBND	01/09/2017	136/KH-UBND	06/11/2017	
3	Bảo Lâm	01/CT-UBND	04/01/2017			
		03/CT-UBND	28/01/2019			
4	Đạ Huoai			31/KH-UBND	12/03/2018	
5	Đạ Tẻh	255/UBND - KT	23/04/2015	06/KH-UBND	12/01/2018	
		156/UBND-LN	01/04/2016			
		337a/UBND-LN	22/06/2017			
		665/UBND-LN	30/11/2017			
		06/KH-UBND	15/1/2018			
		43/UBND-LN	26/1/2018			
		476/UBND-LN	12/10/2018			
		176/UBND	13/5/2019			
		272/UBND-LN	18/7/2019			
6	Lâm Hà	125/UBND-KL	20/02/2017	51/KH-BCĐ	03/03/2017	
		880/UBND-NNPTNT	30/08/2018	04/KH-UBND-LN	01/10/2018	
		380/UBND-NNPTNT	09/04/2019	31/KH-UBND	24/01/2019	
7	Đức Trọng	1778/UBND	28/08/2015	92/KH-UBND	09/07/2015	
		1674/UBND	19/07/2016	72/KH-UBND	18/05/2018	
		1723/UBND	22/07/2016			
		1923/UBND	16/08/2016			
		2122/UBND	09/09/2016			
		2211/UBND	20/09/2016			

Stt	Cấp triển khai	Văn bản triển khai và chỉ đạo		Kế hoạch triển khai		Ghi chú
		Tên văn bản (công văn, Nghị quyết ...)	Ngày ban hành	Tên kế hoạch	Ngày ban hành	
8	Đam Rông	2345/UBND	07/10/2016			
		426/UBND	22/05/2017			
9	Đi Linh	1683/UBND-SX	20/10/2015	152/KH-UBND	13/11/2017	
		1964/UBND	30/11/2015			
		2121/UBND	29/12/2015			
		1020/UBND	06/10/2016			
		2233/UBND	18/10/2017			
		835/UBND	05/02/2018			
		2517/UBND	11/08/2018			
		1051/UBND	06/06/2019			
		1662/UBND	30/12/2015			
10	Đơn Dương	01/UBND	03/07/2016			
		415/UBND	30/03/2016			
		1027/UBND	18/07/2016			
		118/UBND	25/01/2017			
		04/CT-UBND	20/03/2017			
		877/UBND	13/06/2017			
		06/CT-UBND	14/08/2017			
		1391/UBND	19/09/2017			
		191/UBND	02/12/2018			
		641/UBND	05/08/2018			
		657/UBND	14/05/2018			
		1562/UBND	23/10/2018			
		1693/UBND	11/12/2018			
		99/UBND	28/01/2019			
		140/UBND	12/02/2019			
		1163/UBND	19/8/2019			

Phụ lục II
TỔNG HỢP SÁP XẾP CÔNG TY LÂM NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ LÂM NGHIỆP
(Kèm theo Báo cáo số: -BC/TU ngày tháng 4 năm 2020 của Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Stt	Tên công ty trước khi sáp xếp	Tên công ty sau sáp xếp theo Nghị định 118	Diện tích rừng và đất lâm nghiệp công ty quản lý trước khi sáp xếp				Diện tích rừng và đất lâm nghiệp công ty quản lý sau khi sáp xếp theo Nghị						Ghi chú		
			Tổng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Đất khác	Tổng	DT không thu tiền	DT thuê để SXKD	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất	Đất khác
1	Công ty TNHH MTV LN Đơn Dương		21,668,290		1,889,460	17,211,960	2,566,870	21,647,070	19,220,970	2,426,100					
2	Công ty TNHH MTV LN Di Linh		28,119,970		2,262,570	25,705,000	152,400	26,550,850	24,293,940	2,256,910					
3	Công ty TNHH MTV LN Tam Hiệp		26,724,770		873,100	25,680,890	170,780	25,341,770	24,586,630	755,140					
4	Công ty TNHH MTV LN Bảo Thuận		19,260,340		829,100	18,151,120	280,120	18,296,600	17,705,780	590,820					
5	Công ty TNHH MTV LN Lộc Bắc		24,788,000		3,340,550	21,132,470	314,980	24,985,600	23,989,600	996,000					
6	Công ty TNHH MTV LN Bảo Lâm		20,602,140		3,941,900	16,467,430	192,810	18,933,610	16,872,340	2,061,270					
7	Công ty TNHH MTV LN Đà Tèh		24,175,130		4,850,190	19,315,930	9,010	24,117,810	23,563,920	553,890					
8	Công ty TNHH MTV LN Đà Huoi		9,757,800			9,187,680	570,120	10,108,000	9,280,000	828,000					
Tổng cộng			175,096,440		17,986,870	152,852,480	4,257,090	169,981,310	159,513,180	10,468,130					

Phụ lục III

**SỐ LIỆU VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG
TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN 31/12/2019**

(Kèm theo Báo cáo số: -BC/TU ngày tháng 4 năm 2020 của Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Stt	Nội dung vi phạm	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng
I	Tình hình vi phạm						
1	Số vụ (vụ)	1,877	1,471	1,035	900	735	6,018
2	Diện tích thiệt hại (ha)	172.34	125.07	89.55	62.4	57.38	506.74
3	Lâm sản thiệt hại (4 hành vi) (m ³)	7,412.43	5,134.86	3,777.38	3,691.78	3,837.27	23,853.72
II	Đã xử lý	1,877	1,471	1,035	900	735	6,018
1	Hành chính	1,820	1,416	1,001	856	677	5,770
2	Chuyên xử lý hình sự	57	55	34	44	58	248
III	Lâm sản, PT tịch thu						
1	Phương tiện (chiếc)	671	502	421	295	242	2,131
	Ô tô	7	29	24	17	9	86
	Xe máy	285	296	241	178	113	1,113
	Dụng cụ, phương tiện khác	379	177	156	100	120	932
2	Lâm sản (m³)	2,623.31	2,526.25	1,475.93	1,248.11	918.81	8,792
	Gỗ tròn (m ³)	1,768.54	1,656.10	1,007.90	898.77	678.5	6,010
	Gỗ xẻ (m ³)	854.77	870.16	468.03	349.34	240.31	2,783
	Trong đó:						0
	Gỗ tròn quý hiếm (m ³)	46.95	19.35	11.92	6.56	12.01	97
	Gỗ xẻ quý hiếm (m ³)	27.45	21.47	14.95	12.26	5.86	82
3	Giá trị lâm sản ngoài gỗ (1000đ)	88,890			21,858	11,625	122,373
4	Động vật (cá thể)	168	74	108	16	30	396
	Trọng lượng (kg)	283	194	118	111	41	747
IV	Thu nộp ngân sách (1.000 đồng)	16,071,793	13,337,842	8,961,432	5,776,764	4,666,029	48,813,861

Phụ lục IV

SƠ LIỆU KIỂM ĐIỂM, KỶ LUẬT LIÊN QUÂN TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số:

-BC/TU ngày tháng 4 năm 2020 của Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Stt	Địa phương	Kiểm lâm			Chủ rừng							UBND cấp xã			Tổng	Ghi chú
		Cá nhân		Tập thể	Cá nhân						Tập thể					
		Khiển trách	Cảnh cáo		Khiển trách	Cảnh cáo	Chậm nâng lương 1 năm	Cách chức	Buộc thôi việc	Hình sự	Khiển trách	Cảnh cáo				
1	Đà Lạt				2									2		
2	Lạc Dương	2												2		
3	Đon Dương					2								2		
4	Đức Trọng		1		16	2								2		
5	Lâm Hà	2	1		4	1			1		3	2		25		
6	Dam Rông	3	1		16				1		2			11		
7	Di Linh	3	2		5	3					1			21		
8	Bảo Lộc													13		
9	Bảo Lâm	3	6		2		1	1								
10	Đạ Huoai													13		
11	Đạ Tẻh		3		1		1									
12	Cát Tiên		1								1			6		
13	Đội 1	1												1		
Tổng		14	15	0	46	8	2	1	1	1	0	7	2	97		